

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 126/2023/HS-PT
Ngày: 21/8/2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Vĩnh Hữu.

Các Thẩm phán: Ông Võ Trung Hiếu.

Bà Nguyễn Thanh Nhân.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Sơn - Thư ký.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Minh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 110/2023/TLPT-HS ngày 19 tháng 7 năm 2023 đối với các bị cáo Nguyễn Thị Thu V và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2023/HS-ST ngày 07 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Bị cáo Nguyễn Thị Thu V, sinh ngày 20/10/1955, tại tỉnh Tiền Giang; Giới tính: nữ;

Nơi cư trú: khu phố B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 10/12;

Con ông Nguyễn Văn N (đã chết) và bà Phan Thị H (đã chết);

Chồng: Nguyễn Công C (đã ly hôn và đã chết);

Bị cáo có 03 con;

Tiền sự, tiền án: không;

Bị tạm giữ ngày 08/9/2022, chuyển tạm giam ngày 16/9/2022;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo Nguyễn Phú S, sinh ngày 09/01/1976, tại tỉnh Tiền Giang, Giới tính: nam;

Nơi cư trú: số D lô B chung cư A C, phường N, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh ;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: tài xế; Trình độ văn hóa: 11/12;

Con ông Nguyễn Công C (đã chết) và bà Nguyễn Thị Thu V.

Vợ: Lê Kim L; bị cáo có 02 con;
 Tiền sự, tiền án: không;
 Bị tạm giữ ngày 07/9/2022, chuyển tạm giam ngày 16/9/2022;
 Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Bị cáo Nguyễn Hồng N1, sinh ngày 09/11/1981, tại tỉnh Tiền Giang,
 Giới tính: nữ;

Nơi cư trú: khu phố B, phường E, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.
 Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
 Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 9/12;
 Con ông Nguyễn Công C (đã chết) và bà Nguyễn Thị Thu V;
 Chồng: Trần Thanh C1; bị cáo có 02 con;
 Tiền án, tiền sự: không;
 Bị tạm giữ ngày 07/9/2022, chuyển tạm giam ngày 16/9/2022;
 Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Bị cáo Nguyễn Đăng Q, (Tên thường gọi: T), sinh ngày 11/3/1978, tại
 tỉnh Tiền Giang; Giới tính: nam;

Nơi cư trú: khu phố D, Phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang;
 Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
 Nghề nghiệp: thợ sửa xe; Trình độ văn hóa: 09/12;
 Con ông Nguyễn Ngọc T1 và bà Lê Thị Phương M;
 Vợ: Nguyễn Thị Ngọc D; bị cáo có 02 con.
 Tiền án, tiền sự: không;
 Bị tạm giữ ngày 08/9/2022, chuyển tạm giam ngày 16/9/2022;
 Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Bị cáo Nguyễn Phú C2, sinh ngày 25/5/1978, tại tỉnh Tiền Giang; Giới
 tính: nam;

Nơi cư trú: khu phố B, Phường E, thị xã C, tỉnh Tiền Giang;
 Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
 Nghề nghiệp: tài xế; Trình độ văn hóa: 09/12;
 Con ông Nguyễn Công C (đã chết) và bà Nguyễn Thị Thu V;
 Vợ: Phan Minh M1 (chưa đăng ký kết hôn);
 Tiền án, tiền sự: không;
 Bị tạm giữ ngày 08/9/2022, chuyển tạm giam ngày 16/9/2022;
 Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh ngày 01/01/1972, tại tỉnh Tiền Giang;
 Giới tính: nữ;

Nơi cư trú: khu phố B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
 Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
 Nghề nghiệp: làm ruộng; Trình độ văn hóa: 09/12;
 Con ông Nguyễn Văn N (đã chết) và bà Phan Thị H (đã chết);
 Chồng: Cao Văn N2; bị cáo có 02 con.
 Tiền án, tiền sự: không;
 Bị tạm giữ ngày 09/9/2022, chuyển tạm giam ngày 16/9/2022;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**. Người bào chữa cho các bị cáo V, S, Hồng N3, Phú C3, Q: Luật sư Phạm Văn V1 – Văn phòng L2 - thuộc đoàn Luật sư Thành phố H; (có mặt)
Địa chỉ: 1 - L, Phường A, Quận D, thành phố Hồ Chí Minh.*

**. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Phú C2:*

Luật sư Trần Thanh H1 – thuộc đoàn Luật sư tỉnh T;(có mặt)

Địa chỉ: số A Rạch G, Phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

**. Ngoài ra, trong vụ án còn có bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, bản án không bị kháng nghị.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Nguyễn Thị Thu V và ông Nguyễn Công C là vợ chồng nhưng đã ly hôn vào năm 1995, có ba người con là Nguyễn Phú S, Nguyễn Phú C2, và Nguyễn Hồng N1. Sau ly hôn, ông C cưới vợ khác là bà Phạm Thị Kim L1. Ông C bị bệnh chết bà L1 có chuyển nhượng thửa đất số 226 với diện tích 987,4m², tại số D khu phố B, phường E, thị xã C, tỉnh Tiền Giang do ông Nguyễn Công C đứng tên chủ sở hữu cho ông Huỳnh Thanh H2 và bà La Thị M2;

Cùng thời gian trên, Nguyễn Thị Thu V về sống tại khu phố B, phường E, thị xã C, tỉnh Tiền Giang với C2 (trên thửa đất số 226), còn N1 và S chuyển đến thành phố Hồ Chí Minh sinh sống. Ông H2 và bà M2 nhiều lần yêu cầu Nguyễn Thị Thu V và C2 giao nhà và đất cho ông H2, bà M2 nhưng Nguyễn Thị Thu V và Nguyễn Phú C2 không đồng ý nên ông H2 và bà M2 khởi kiện ra Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;

Tại bản án số 64/2019/DSST ngày 15/8/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đã xét xử buộc Nguyễn Hồng N1, Nguyễn Phú C2 và Nguyễn Thị Thu V phải giao nhà, đất cho ông H2 và bà M2. Nguyễn Hồng N1, Nguyễn Phú C2 và Nguyễn Thị Thu V kháng cáo bản án sơ thẩm. Tại bản án số 78/2020/DS-PT ngày 11/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Nguyễn Thị Thu V và gia đình. Nguyễn Thị Thu V, Nguyễn Phú C2 và Nguyễn Hồng N1 không đồng ý hai bản án nêu trên nên đã đi khiếu nại nhiều nơi;

Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đã ban hành Quyết định thi hành án số 140/QĐ-CCTHADS ngày 03/6/2020 và đã nhiều lần đến vận động Nguyễn Thị Thu V và gia đình giao nhà, đất cho ông H2, bà M2 theo nội dung bản án đã có hiệu lực pháp luật nhưng Nguyễn Thị Thu V và gia đình không chấp hành nên Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đã ban hành Quyết định về việc cưỡng chế giao nhà, đất cho ông H2, bà M2;

Sau nhiều lần thông báo thời gian cưỡng chế, ngày 29/8/2022, Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang có thông báo số 101 ngày 29/8/2022 về việc tiến hành cưỡng chế thi hành án vào ngày 07/9/2022 và đã tiến hành thông báo, niêm yết theo quy định;

Sau khi nhận được thông báo về việc cưỡng chế, Nguyễn Thị Thu V điện thoại báo tin cho Nguyễn Phú S, Nguyễn Hồng N1 và em gái ruột là Nguyễn Thị Ngọc Đ kêu S, N1 và Đ đến nhà V vào ngày 07/9/2022 để cản trở đoàn cưỡng chế, S, N1, Đ đồng ý. Nguyễn Phú C2 điện thoại kêu anh họ là Nguyễn Đăng Q ngày 07/9/2022 đến hỗ trợ chống đối đoàn cưỡng chế, Q đồng ý. Khoảng 16 giờ ngày 06/9/2022, Nguyễn Phú S đi xe khách từ thành phố Hồ Chí Minh về nhà V;

Nguyễn Thị Thu V sau khi nhận được thông báo về việc cưỡng chế đã nảy sinh ý định mua xăng về tự tạo “bom xăng” để chống đối đoàn cưỡng chế, khi đoàn cưỡng chế đến sẽ đốt cháy các chai “bom xăng” này nhằm đe dọa không cho đoàn cưỡng chế thi hành. Khoảng 17 giờ ngày 06/9/2022, V lấy can nhựa loại 30 lít định đi mua xăng thì C2 nói để C2 đi mua nên V đưa số tiền 250.000 đồng và can nhựa cho C2 đi mua xăng, C2 đến cây xăng H thuộc khu phố C, phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang mua hết 250.000 đồng xăng A92 đem về nhà;

Tại đây, V trực tiếp chiết xăng từ can nhựa 30 lít ra các chai nhựa và chai thủy tinh có sẵn tại nhà (loại chai nước ngọt), đồng thời cắt vải nhét vào đầu các chai này để làm mồi đốt lửa. Trong lúc V chiết xăng, S và C2 đều nhìn thấy và hiểu mục đích V làm “bom xăng” là để chống đối đoàn cưỡng chế, S kêu V chiết vô chai ít xăng lại để hết xăng. V làm được khoảng 07 - 08 chai “bom xăng” và đem các chai này bỏ vào sọt bằng nhựa rồi để dưới bàn gỗ trước cửa nhà, số xăng còn lại trong can nhựa 30 lít, V chiết ra khoảng 06 lít vào can nhựa loại 10 lít khác đem đi cất giấu, trong can nhựa 30 lít lúc này còn khoảng hơn 01 lít xăng;

Đến khoảng 21 giờ cùng ngày 06/9/2022, N1 cùng hai con ruột từ thành phố Hồ Chí Minh về nhà V. V nói với C2, S và N1 là “Ngày mai đoàn cưỡng chế đến để cưỡng chế thi hành án thì phải chống đối đến cùng nếu không sẽ không còn chỗ ở” S, C2 và N1 đồng ý rồi cả nhà đi ngủ;

Đến sáng ngày 07/9/2022, sau khi thức dậy, N1 nhìn thấy các “bom xăng” để trong sọt bằng nhựa nên biết gia đình sẽ sử dụng các “bom xăng” này để chống đối lại đoàn cưỡng chế. Khoảng 07 giờ sáng cùng ngày, Q và Đ đi xe mô tô đến nhà V. Thời điểm này trong nhà V có V, S, C2, Q, Đ, N1 và bà Châu Ngọc V2 là chị em bạn dâu với V2 ghé chơi. S kêu Quan phụ giúp chiết xăng từ can nhựa 30 lít ra các chai nhựa để làm “bom xăng”, S đưa cho Q xem một chai mẫu mà V2 đã làm sẵn vào ngày hôm trước để Q làm theo. Quan chiết xăng từ can nhựa ra 04 chai nhựa rồi dùng kéo cắt vải cho vào 04 chai nhựa này để làm mồi cháy. Lúc này, S nói với mọi người nếu ai có điện thoại khi đoàn cưỡng chế đến sẽ dùng điện thoại để quay lại vụ việc, rồi S ra phía trước dùng dây xích khóa cửa rào bằng lưới B40 lại;

Đến khoảng 08 giờ ngày 07/9/2022, đoàn cường chế thi hành án đến nhà V2 để thi hành Quyết định cường chế nhưng gia đình V2 đã khoá cửa rào nên lực lượng cường chế không vào được. Khi đoàn cường chế thông báo về việc tiến hành cường chế, N1 đi ra phía trước cửa nhà (bên trong cửa rào) la lớn tiếng phản đối, không đồng ý cho đoàn cường chế vào nhà. V2, S và C2 đứng phía sau lưng N1. Đ và Q dùng điện thoại di động ghi hình lại. Lúc này, được sự vận động của đoàn cường chế nên bà Châu Ngọc V2 chui hàng rào lưới B40 ra ngoài và đi về. Còn V2, N1, Đ, S, Q và C2 chống đối không ra khỏi nhà. Đoàn cường chế phát loa triển khai quyết định cường chế và thuyết phục gia đình V2 mở cửa nhưng gia đình V2 không chấp hành, do đó đoàn cường chế quyết định cắt ổ khóa để vào nhà. Khi đoàn cường chế đang tiến hành cắt khóa thì S dùng “bom xăng” đốt ném về phía đoàn cường chế làm chai xăng phát nổ, lửa cháy lan nên đoàn cường chế chạy ngược ra phía lộ, S vẫn tiếp tục ném nhiều “bom xăng” về phía đoàn cường chế làm đồng chí Nguyễn Lam T2 chiến sỹ Công an thị xã C thành viên đoàn cường chế bị bỏng ở chân. Thời điểm này, lực lượng C4 bình cứu hỏa để dập tắt lửa nhưng S vẫn tiếp tục ném “bom xăng” về phía lực lượng đang làm nhiệm vụ;

Lúc này, trời mưa lớn nên lực lượng cường chế phải rút ra xa khu vực nhà V2 và để đưa đồng chí T2 đi cấp cứu. Phía bên trong nhà, V2, N1 kêu Q tiếp tục chiết xăng để làm “bom xăng”, Q tiếp tục chiết 03 chai xăng từ can nhựa 30 lít ra để làm “bom xăng”;

Thấy gia đình V2 chống đối quyết liệt, đoàn cường chế chia lực lượng ra phía sau nhà và cắt hàng rào lưới B40 để vào. S nhìn thấy lực lượng công tác đang cắt hàng rào phía sau nên S dùng bật lửa đốt chai “bom xăng” định tấn công nhưng bật lửa không cháy nên S kêu người thân đưa bật lửa và kéo sọt nhựa đựng “bom xăng” thì Đ đưa bật lửa và kéo sọt nhựa chứa các chai “bom xăng” lại chỗ S, S tiếp tục đốt các chai “bom xăng” này tấn công lực lượng cường chế;

Lúc này, Đ kêu V2 làm cây mồi lửa rồi nhặt một đoạn thanh sắt có sẵn trong nhà đưa V2 để V2 quán vãi vào một đầu làm cây mồi lửa. Khi thấy lực lượng cường chế xông vào từ phía sau nhà, S dùng bật lửa đốt chai xăng đang cầm ném ra đường bên hông nhà để ngăn lực lượng cường chế tiến vào, làm lửa cháy lan vào sọt đựng các chai xăng dưới chân S. Thời điểm này, lực lượng cường chế đang cắt khóa hàng rào lưới B40 vào, N1 cầm chai “bom xăng” đốt lửa ném về phía lực lượng cường chế, S cũng cầm một chai “bom xăng” đốt ném về phía lực lượng cường chế. Sau đó, lực lượng cường chế xông vào dùng bình chữa cháy dập tắt lửa, khống chế, bắt các đối tượng có liên quan về trụ sở Công an làm việc;

Vật chứng thu giữ gồm: 01 thùng nhựa 30 lít bên trong đã hết xăng; 01 thùng nhựa 10 lít bên trong có chứa xăng; 01 chai nhựa loại 02 lít bên trong có chất lỏng nghi là xăng; 08 chai nhựa chứa chất lỏng bên trong nghi có chứa xăng và vãi; 01 chai bằng thủy tinh bên trong có chất lỏng nghi là xăng và vãi; 01 đoạn thanh sắt 01 đầu được quán vãi có tẩm xăng; nhiều chai nhựa đã bị cháy;

10 mảnh vụn của chai thủy tinh; 02 bật lửa (hộp quẹt); Quần áo của các đối tượng mắc lúc xảy ra sự việc; 01 điện thoại di động hiệu Samsung galaxy A13 của Nguyễn Thị Ngọc Đ bên trong có chứa 05 đoạn video do Đ quay lại lúc nhà Nguyễn Thị Thu V sắp bị cưỡng chế; 01 điện thoại di động hiệu Oppo A12e của Nguyễn Thị Thu V bên trong chứa 01 video do V tự quay lại lúc nhà V sắp bị Cưỡng chế; 01 điện thoại di động hiệu Samsung galaxy A02s của Nguyễn Đăng Q bên trong có chứa có 03 đoạn video do Q quay lại lúc nhà Nguyễn Thị Thu V sắp bị cưỡng chế; 01 điện thoại di động hiệu Samsung galaxy A03 của Nguyễn Phú S; 01 điện thoại di động hiệu Nokia model PM-1172 chưa xác định chủ sở hữu; 10 đoạn Video ghi lại diễn biến sự việc.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 266/2022/TgT ngày 08/9/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh T kết luận tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Hồ Lam T3 là 02%.

Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2023/HS-ST ngày 07/6/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đã Quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Thu V, Nguyễn Phú S, Nguyễn Hồng N1, Nguyễn Phú C2, Nguyễn Đăng Q, Nguyễn Thị Ngọc Đ phạm tội “Cố ý gây thương tích” và “Chống người thi hành công vụ”:

Áp dụng điểm a, k khoản 1 Điều 134; điểm a khoản 2 Điều 330; Điều 36; Điều 38; điểm q, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm a, b khoản 1 Điều 55 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu V 01 (một) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 03 (ba) năm tù về tội “Chống người thi hành công vụ”;

Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu V phải chấp hành hình phạt chung là 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/9/2022.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phú S 09 (chín) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 02 (hai) năm 06 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”;

Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Nguyễn Phú S phải chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/9/2022.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng N1 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cố ý gây thương tích” và 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”;

Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Nguyễn Hồng N1 phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/9/2022.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phú C2 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cố ý gây thương tích” và 02 (hai) năm tù về tội “Chống người thi hành công vụ”;

Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Nguyễn Phú C2 phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/9/2022.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng Q 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cố ý gây thương tích” và 02 (hai) năm tù về tội “Chống người thi hành công vụ”;

Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Nguyễn Đăng Q phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/9/2022.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Đ 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cố ý gây thương tích” và 02 (hai) năm tù về tội “Chống người thi hành công vụ”;

Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Nguyễn Thị ngọc Đ1 phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/9/2022.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án đối với án phí hình sự sơ thẩm mà các bị cáo phải nộp, phân xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo quy định;

*. Ngày 10/6/2023, các bị cáo Nguyễn Thị Thu V, Nguyễn Phú S, Nguyễn Hồng N1, Nguyễn Phú C2, Nguyễn Đăng Q, Nguyễn Thị Ngọc Đ có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Nguyễn Thị Thu V, Nguyễn Phú S, Nguyễn Hồng N1, Nguyễn Phú C2, Nguyễn Đăng Q, Nguyễn Thị Ngọc Đ vẫn giữ nguyên kháng cáo, các bị cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Phú C2 đưa ra nhiều luận cứ: Bị cáo phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo bị các bị cáo khác rủ rê, tại thời điểm phạm tội bị cáo bị hạn chế về khả năng nhận thức nên đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo;

Người bào chữa cho các bị cáo V, S, N1, Q, Phú C3 đưa ra nhiều luận cứ cho rằng: Các bị cáo phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Các bị cáo Nguyễn Thị Thu V, Nguyễn Phú S, Nguyễn Hồng N1, Nguyễn Phú C2, Nguyễn Đăng Q tự nguyện bồi thường cho người bị hại nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo;

Bị cáo N1 có cha chồng là thương binh, nuôi cha mẹ chồng lớn tuổi, phải nuôi hai con nhỏ nên cần giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Bị cáo Q là lao động chính trong gia đình, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có con bị bệnh bại não, cha mẹ bị cáo là nhà giáo có nhiều đóng góp và bằng khen; Đ2 nghị miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo N1 về tội “Cố ý gây thương tích”; Các bị cáo N1, C2, Q nên áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ về tội “Chống người thi hành công vụ”.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các bị cáo đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Hình Sự;

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đưa ra nhiều luận cứ phân tích về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, cùng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên đối với các bị cáo là phù hợp nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng Điều 17 Bộ luật Hình sự về đồng phạm nên cần bổ sung cho phù hợp, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét thời hạn kháng cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào đơn kháng cáo ngày 12/6/2023, các bị cáo Nguyễn Thị Thu V, Nguyễn Phú S, Nguyễn Hồng N1, Nguyễn Phú C2, Nguyễn Đăng Q, Nguyễn Thị Ngọc Đ thì các bị cáo kháng cáo trong thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình Sự;

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Thu V, Nguyễn Phú S, Nguyễn Hồng N1, Nguyễn Phú C2, Nguyễn Đăng Q, Nguyễn Thị Ngọc Đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Thị Thu V, Nguyễn Phú S, Nguyễn Hồng N1, Nguyễn Phú C2, Nguyễn Đăng Q, Nguyễn Thị Ngọc Đ thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo như án sơ thẩm đã nhận định, các bị cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 07/9/2022, tại thửa đất số 226, địa chỉ số D, khu phố B, phường E, thị xã C, tỉnh Tiền Giang các bị cáo Nguyễn Thị Thu V, Nguyễn Phú S, Nguyễn Hồng N1, Nguyễn Đăng Q, Nguyễn Phú C2 và Nguyễn Thị Ngọc Đ đã có hành vi khóa cửa, la chưởi, kích động nhau dùng “bom xăng” ném vào đoàn cường chế Thi hành án Dân sự nhằm mục đích cản trở lực lượng cường chế Thi hành án Dân sự và dùng “bom xăng” ném vào đoàn cường chế đã gây thương tích cho anh Hồ Lam T3 là chiến sĩ Công an thị xã C đang làm nhiệm vụ bảo vệ Đoàn cường chế với tỷ lệ tích là 02%;

Xét về tính chất, mức độ, vai trò hành vi phạm tội của từng bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Thị Thu V là người chủ mưu, rủ rê, lôi kéo các bị cáo Nguyễn Phú S, Nguyễn Hồng N1, Nguyễn Đăng Q, Nguyễn Phú C2 và Nguyễn Thị Ngọc Đ là người thân trong gia đình cùng thực hiện hành vi chống đối, cản trở đoàn cường chế thi hành nhiệm vụ vào ngày 07/9/2022 và bị cáo V là người chế tạo những chai “bom xăng” làm vũ khí để chống đối;

Bị cáo Nguyễn Phú S đồng phạm với vai trò thực hành tích cực, bị cáo đã chủ động khóa rào, ném “bom xăng” trực tiếp vào đoàn cưỡng chế và chỉ dẫn bị cáo Q chế tạo “bom xăng”;

Bị cáo Nguyễn Hồng N1 đồng phạm với vai trò thực hành tích cực, bị cáo đã có lời lẽ ngăn cản, kích động các bị cáo còn lại và trực tiếp ném “bom xăng” vào đoàn cưỡng chế;

Bị cáo Nguyễn Phú C2 đồng phạm với vai trò giúp sức tích cực, bị cáo trực tiếp đi mua xăng đem về cho bị cáo V chế tạo “bom xăng” và có hành vi cầm trên tay “bom xăng” với lời lẽ đe dọa không cho Đ3 cưỡng chế thực hiện nhiệm vụ;

Bị cáo Nguyễn Đăng Q đồng phạm với vai trò giúp sức tích cực, bị cáo trực tiếp chiết xăng ra chai cho bị cáo S dùng làm công cụ ném vào đoàn cưỡng chế;

Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Đ đồng phạm với vai trò giúp sức tinh thần tích cực cho bị cáo S thực hiện hành vi ném “bom xăng” lần đầu về phía đoàn cưỡng chế làm cho anh Hồ Lam T3 bị bỏng, bị cáo trực tiếp ghi hình theo sự phân công của bị cáo V và có lời lẽ khích lệ cho bị cáo S ném “bom xăng” vào đoàn cưỡng chế, gợi ý cho bị cáo V làm cây đuốc mồi lửa;

Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước trong lĩnh vực Thi hành án của Cơ quan thi hành án Dân sự và xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người thi hành công vụ; Hành vi của các bị cáo không những vi phạm pháp luật mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương và cũng là cơ hội cho các thế lực thù địch lợi dụng những hình ảnh Thi hành án đưa lên mạng xã hội để xuyên tạc, chống phá Đảng và Nhà N4 ta. Do đó, các bị cáo cần phải có hình phạt nghiêm khắc mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung cho xã hội;

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Thị Thu V, Nguyễn Phú S, Nguyễn Hồng N1, Nguyễn Đăng Q, Nguyễn Phú C2 và Nguyễn Thị Ngọc Đ về tội “Cố ý gây thương tích” và “Chống người thi hành công vụ”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a, k khoản 1 Điều 134 và điểm a khoản 2 Điều 330 của Bộ luật Hình sự là phù hợp.

Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình đối với các bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Thị Thu V thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thêm số tiền cho người bị hại; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đối với tội cố ý gây thương tích nên đã áp dụng điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và bị xử phạt bị cáo 04 năm tù là phù hợp;

Bị cáo Nguyễn Phú S phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đối với tội cố ý gây thương tích, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện

bồi thường thêm cho người bị hại nên đã áp dụng điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và bị xử phạt bị cáo 03 năm 03 tháng tù là phù hợp;

Bị cáo Nguyễn Hồng N1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đối với tội cố ý gây thương tích, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thêm cho người bị hại nên đã áp dụng điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự và bị xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù là phù hợp;

Bị cáo Nguyễn Phú C2 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đối với vai trò đồng phạm thứ yếu với tội cố ý gây thương tích, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc điều khiển hành vi của mình nên đã áp dụng điểm q, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và bị xử phạt bị cáo 02 năm 03 tháng tù là phù hợp;

Bị cáo Nguyễn Đăng Q thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tác động gia đình khắc phục hậu quả cho người bị hại, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng với vai trò đồng phạm thứ yếu, tự nguyện cùng các bị cáo còn lại bồi thường thêm cho người bị hại, bị cáo và gia đình có nhiều đóng góp tại địa phương được tặng giấy khen nên đã áp dụng điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự và bị xử phạt bị cáo 02 năm 03 tháng tù là phù hợp;

Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Đ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tác động gia đình khắc phục hậu quả cho người bị hại, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng với vai trò đồng phạm thứ yếu đối với tội Cố ý gây thương tích, tự nguyện cùng các bị cáo còn lại bồi thường thêm cho người bị hại nên đã áp dụng điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và bị xử phạt bị cáo 02 năm 02 tháng tù là phù hợp;

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo và luật sư bào chữa cho các bị cáo có nêu ra các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo nhưng xét các tình tiết và cung cấp chứng cứ tại phiên tòa phúc thẩm thì các tình tiết này đã được tòa cấp sơ thẩm đã xem xét khi lượng hình phạt đối với các bị cáo;

Vì thế Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Thu V, Nguyễn Phú S, Nguyễn Hồng N1, Nguyễn Phú C2, Nguyễn Đăng Q, Nguyễn Thị Ngọc Đ cho nên cần giữ nguyên mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên.

[3]. Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử;

[4] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Thị Thu V, Nguyễn Phú S, Nguyễn Hồng N1, Nguyễn Phú C2, Nguyễn Đăng Q, Nguyễn Thị Ngọc Đ phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[5]. Những hạn chế, thiếu sót Tòa án cấp sơ thẩm:

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo cho nên mỗi bị cáo được hưởng những tình tiết giảm

nhẹ có những điểm giống nhau hoặc khác nhau nhưng lại áp dụng chung cho tất cả các bị cáo là không phù hợp;

Tòa án cấp sơ thẩm có nhận định về việc các bị cáo đã khắc phục hậu quả cho người bị hại nhưng không áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo là thiếu sót;

Bị cáo Nguyễn Thị Thu V là người rủ rê, lôi kéo các bị cáo Nguyễn Phú S, Nguyễn Hồng N1, Nguyễn Phú C2, Nguyễn Đăng Q, Nguyễn Thị Ngọc Đ, khi nhận định các bị cáo Nguyễn Phú S, Nguyễn Hồng N1, Nguyễn Phú C2, Nguyễn Đăng Q, Nguyễn Thị Ngọc Đ đóng vai trò đồng phạm, tuy nhiên khi quyết định hình phạt thì không áp dụng điều luật;

Do đó cần điều chỉnh án sơ thẩm cho phù hợp.

[6]. Bản án, quyết định và những phần của bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án không bị kháng cáo, kháng nghị thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

1. Xử: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Thu V, Nguyễn Phú S, Nguyễn Hồng N1, Nguyễn Phú C2, Nguyễn Đăng Q, Nguyễn Thị Ngọc Đ;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 32/2023/HS-ST ngày 07/6/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị Thu V, Nguyễn Phú S, Nguyễn Hồng N1, Nguyễn Phú C2, Nguyễn Đăng Q, Nguyễn Thị Ngọc Đ phạm tội “Cố ý gây thương tích” và tội “Chống người thi hành công vụ”;

Áp dụng điểm a, k khoản 1 Điều 134; điểm a khoản 2 Điều 330; Điều 17; Điều 36; Điều 38; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, b khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu V 01(một) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 03 (ba) năm tù về tội “Chống người thi hành công vụ”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu V phải chấp hành hình phạt chung là 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/9/2022.

Áp dụng điểm a, k khoản 1 Điều 134; điểm a khoản 2 Điều 330; Điều 17; Điều 36; Điều 38; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm a, b khoản 1 Điều 55 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phú S 09 (chín) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 02 (hai) năm 06 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Nguyễn Phú S phải chấp hành hình phạt

chung là 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/9/2022.

Áp dụng điểm a, k khoản 1 Điều 134; điểm a khoản 2 Điều 330; Điều 17; Điều 36; Điều 38; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm a, b khoản 1 Điều 55 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng N1 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cố ý gây thương tích” và 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Nguyễn Hồng N1 phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/9/2022.

Áp dụng điểm a, k khoản 1 Điều 134; điểm a khoản 2 Điều 330; Điều 17; Điều 36; Điều 38; điểm b, q, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm a, b khoản 1 Điều 55 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phú C2 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cố ý gây thương tích” và 02 (hai) năm tù về tội “Chống người thi hành công vụ”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Nguyễn Phú C2 phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/9/2022.

Áp dụng điểm a, k khoản 1 Điều 134; điểm a khoản 2 Điều 330; Điều 17; Điều 36; Điều 38; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm a, b khoản 1 Điều 55 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng Q 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cố ý gây thương tích” và 02 (hai) năm tù về tội “Chống người thi hành công vụ”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Nguyễn Đăng Q phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/9/2022.

Áp dụng điểm a, k khoản 1 Điều 134; điểm a khoản 2 Điều 330; Điều 17; Điều 36; Điều 38; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm a, b khoản 1 Điều 55 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Đ 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cố ý gây thương tích” và 02 (hai) năm tù về tội “Chống người thi hành công vụ”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Nguyễn Thị ngọc Đ1 phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/9/2022.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Căn cứ các điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Nguyễn Thị Thu V, Nguyễn Phú S, Nguyễn Hồng N1, Nguyễn Phú C2, Nguyễn Đăng Q, Nguyễn Thị Ngọc Đ, mỗi bị cáo phải chịu 200.000

đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Bản án, quyết định và những phần của bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án không bị kháng cáo, kháng nghị thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***. Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Tiền Giang;
- Trại tạm giam CATG
- TAND thị xã Cai Lậy;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- THAHS CA tỉnh Tiền Giang;
- THAHS CA huyện Cai Lậy;
- Các bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, AV;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Vĩnh Hữu